

Phó Phòng Phân tích

**Nguyễn Thanh Hoa**

hoa.nt@shs.com.vn

## Khuyến nghị:

**NĂM GIỮ**

Giá hiện tại (02/02/2026):

**37.500 VND**

## Thông số cơ bản:

|                                |             |
|--------------------------------|-------------|
| Vốn hóa (tỷ VND):              | 11,934.04   |
| Số lượng CP lưu hành:          | 326.960.000 |
| KLCP đang niêm yết:            | 326.960.000 |
| KLGD trung bình 10 phiên (CP): | 406,470     |
| Giá thấp 52w:                  | 25.800      |
| Giá cao 52W:                   | 53.700      |
| Sở hữu nhà nước:               | 92,56%      |
| Sở hữu NGĐTkhác:               | 7,44%       |

## Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

## Các chỉ số tài chính

| ĐVT: tỷ VND  | 2023   | 2024   | 2025   |
|--------------|--------|--------|--------|
| Tổng tài sản | 7,079  | 8,494  | 9,917  |
| VCSH         | 5,736  | 6,361  | 6,818  |
| Doanh thu    | 2,156  | 2,595  | 2,730  |
| LNST         | 745    | 975    | 985    |
| ROE          | 24.0%  | 21.6%  | 14.2%  |
| ROA          | 5.9%   | 5.7%   | 8.9%   |
| EPS (VND)    | 1,735  | 2,469  | 2,519  |
| BVPS (VND)   | 17,542 | 19,454 | 18,430 |

## KẾT QUẢ KINH DOANH 2025 LẬP ĐÌNH MỚI

- Doanh nghiệp cảng biển chủ lực miền Bắc:** PHP là cụm cảng biển tổng hợp cấp quốc gia, lớn nhất miền Bắc và là cửa ngõ hàng hải quốc tế quan trọng, giữ vai trò trung tâm trong mạng lưới logistics khu vực phía Bắc và chuỗi cung ứng quốc gia.
- Lạch Huyện – động lực tăng trưởng chiến lược:** Việc đưa bến container số 3 & 4 Lạch Huyện vào khai thác từ Quý II/2025 đánh dấu bước chuyển dịch sang khai thác cảng nước sâu, giúp PHP mở rộng quy mô, nâng tổng công suất lên 3,2 triệu TEU/năm (+52,4%) và gia tăng khả năng tiếp nhận tàu mẹ cỡ lớn đi thẳng châu Âu - châu Mỹ.
- Triển vọng tăng trưởng dài hạn rõ nét:** Nhờ đóng góp của cảng nước sâu Lạch Huyện, doanh thu PHP được dự báo tăng trưởng trung bình ~9,1%/năm giai đoạn 2025–2030F, phản ánh dư địa tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn khi xu hướng đội tàu toàn cầu tiếp tục dịch chuyển sang tàu container trọng tải lớn.
- Hợp tác chiến lược với MSC (TIL):** Liên doanh với TIL (thuộc MSC) giúp PHP đảm bảo nguồn hàng ổn định, tiếp cận công nghệ và mô hình quản trị tiên tiến, đồng thời nâng cao hiệu suất khai thác, đưa PHP chiếm gần 39% công suất toàn khu vực Hải Phòng.
- Kết quả kinh doanh 2025 lập đỉnh mới:** Năm 2025, PHP ghi nhận doanh thu 2.730 tỷ đồng (+5,2% YoY) và lợi nhuận ròng 824 tỷ đồng (+2% YoY) – mức cao nhất trong lịch sử hoạt động, với sản lượng container vượt 2 triệu TEU, cho thấy hiệu quả bước đầu của chiến lược dịch chuyển sản lượng.
- Nền tảng tài chính an toàn, hỗ trợ tăng trưởng:** PHP duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay/VCSH thấp (0,26 lần năm 2025) và lượng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng dồi dào, giúp doanh nghiệp có dư địa tiếp tục đầu tư mở rộng mà không tạo áp lực lớn lên bảng cân đối kế toán.



## I. BỐI CẢNH NGÀNH & CHÍNH SÁCH

- **Chính sách dẫn dắt của kinh tế Nhà nước:** Nghị quyết 79 của Bộ Chính trị xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò mở đường và dẫn dắt phát triển hệ thống hạ tầng chiến lược đến năm 2030, với trọng tâm là các dự án quy mô lớn, đồng bộ, có khả năng kết nối liên vùng và hội nhập quốc tế.
- **Vai trò then chốt của cảng biển – logistics:** Trong nền kinh tế mở, ngành logistics và cảng biển là trụ cột của hoạt động xuất nhập khẩu và chuỗi cung ứng, trong đó cảng biển giữ vai trò trung tâm, tác động trực tiếp đến chi phí logistics, năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam.
- **Xu hướng phát triển cảng nước sâu:** Sự dịch chuyển của vận tải biển toàn cầu sang tàu container cỡ lớn và các tuyến xuyên lục địa đòi hỏi Việt Nam đẩy mạnh đầu tư các cảng nước sâu cửa ngõ quốc tế, qua đó giảm phụ thuộc trung chuyển, nâng cao hiệu quả logistics và củng cố vị thế trong khu vực.

## II. VAI TRÒ & VỊ THẾ CỦA CẢNG HẢI PHÒNG

### Vai trò & Vị thế

- Cảng Hải Phòng là cụm cảng biển tổng hợp cấp quốc gia, lớn thứ hai cả nước và lớn nhất miền Bắc, giữ vai trò cửa ngõ hàng hải quốc tế của Việt Nam tại khu vực phía Bắc. Theo quy hoạch, hệ thống cảng gồm 5 khu với khoảng 70–74 bến, đến năm 2030 có khả năng thông quan trên 215 triệu tấn hàng hóa mỗi năm, khẳng định vai trò trung tâm trong mạng lưới logistics quốc gia.

### Lạch Huyện - động lực tăng trưởng mang tính bước ngoặt

- Cụm cảng Lạch Huyện được quy hoạch là cảng nước sâu quốc gia loại đặc biệt, giữ vai trò cửa ngõ hàng hải quốc tế. Việc đưa bến container số 3 và 4 vào khai thác đánh dấu bước tái định vị chiến lược của Cảng Hải Phòng, giúp doanh nghiệp có khả năng tiếp nhận tàu mẹ cỡ lớn 160.000–165.000 DWT (13.000–14.000 TEU), mở ra các tuyến vận tải thẳng tới châu Âu và châu Mỹ.

### Hợp tác với TIL (MSC) - nâng tầm công suất và năng lực cạnh tranh

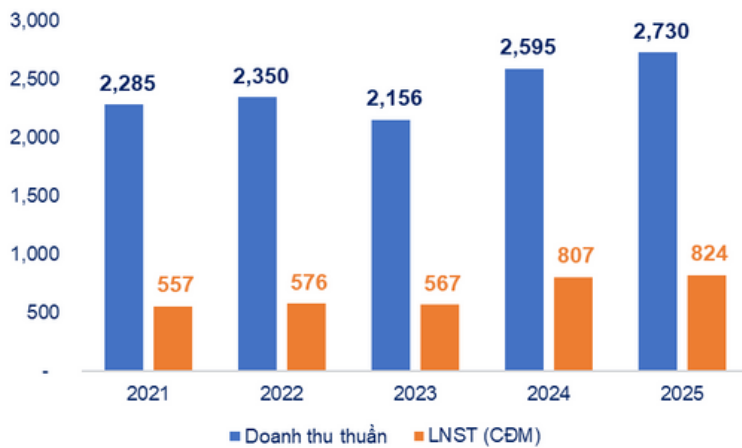
- Cảng Hải Phòng hợp tác với TIL (thuộc MSC) thành lập liên doanh khai thác bến 3,4 Lạch Huyện, trong đó PHP nắm 51% vốn và quyền quản lý, còn TIL góp 49% vốn, cung cấp công nghệ và nguồn hàng ổn định. Công suất thiết kế của hai bến đạt 1,1 triệu TEU/năm, qua đó nâng tổng công suất toàn hệ thống PHP lên 3,2 triệu TEU/năm, tăng hơn 50% và chiếm khoảng 39% công suất toàn khu vực Hải Phòng.



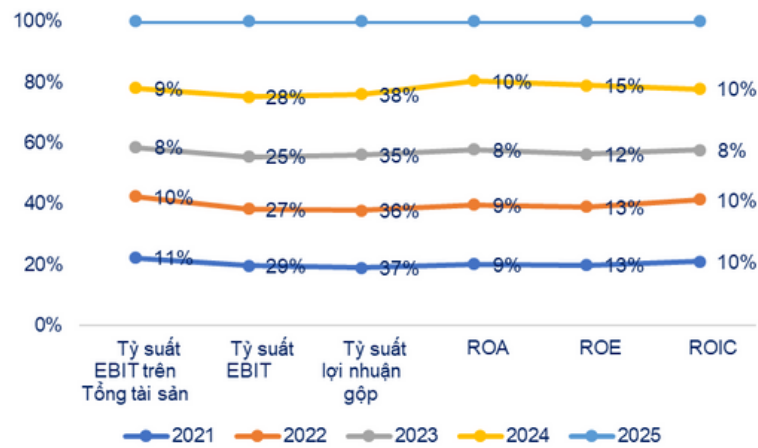
### III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

- Năm 2025, Cảng Hải Phòng ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với doanh thu đạt **2.730 tỷ đồng**, +5,2% YoY, trong khi lợi nhuận ròng đạt **824 tỷ đồng**, mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của doanh nghiệp. Sản lượng hàng hóa thông qua toàn hệ thống đạt **42,7 triệu tấn**, trong đó sản lượng container lần đầu tiên vượt mốc **2 triệu TEU**, phản ánh hiệu quả bước đầu từ chiến lược mở rộng công suất và dịch chuyển trọng tâm khai thác sang các bến cảng nước sâu.
- Riêng trong quý IV/2025, kết quả kinh doanh ghi nhận sự bứt phá rõ nét với doanh thu đạt **794 tỷ đồng**, +11,8% YoY; lợi nhuận trước thuế đạt **326 tỷ đồng**, +34,7% YoY và lợi nhuận ròng đạt **228 tỷ đồng**, +45,1% YoY. Biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh lên 46,2%, tăng **10,2 % YoY**, chủ yếu nhờ chiến lược tăng giá dịch vụ tại các cảng sông, dịch chuyển sản lượng sang bến 3 và 4 Lạch Huyện có hiệu suất cao hơn, cùng với việc tối ưu hóa chi phí vận hành.

**Kết quả kinh doanh giai đoạn 2021-2025**



**Tỷ suất sinh lời giai đoạn 2021-2025**



### IV. KHOẢN MỤC TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

#### Tài sản

- Tổng tài sản tại 31/12/2025 đạt **9.917 tỷ đồng**, +16,7% YoY, phản ánh quy mô tài sản tiếp tục mở rộng nhờ đẩy mạnh đầu tư chiến lược.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn đạt **1.551 tỷ đồng** (+15,3% YoY), chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn, cho thấy nền tảng thanh khoản duy trì ở mức tốt.
- Tài sản dài hạn đạt **6.846 tỷ đồng** (+26,8% YoY), trong đó:
  - ☒ Bất động sản đầu tư đạt **2.582 tỷ đồng**, tiếp tục gia tăng tỷ trọng.
  - ☒ Đầu tư tài chính dài hạn tăng mạnh **433% YoY**, từ 315 tỷ đồng lên 1.364 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Tài sản cố định giảm còn **1.517 tỷ đồng** (-16,9% YoY).
- Tài sản dở dang dài hạn giảm mạnh từ **3.161 tỷ đồng** xuống **1.291 tỷ đồng**, phản ánh việc hoàn tất đầu tư dự án bến container số 3 & 4 Lạch Huyện và chuyển sang giai đoạn khai thác.

#### Nguồn vốn

- Nợ phải trả tại 31/12/2025 đạt **3.099 tỷ đồng**, tăng **45,3% YoY**.
- Dư nợ dài hạn đạt **1.845 tỷ đồng**, tăng mạnh **370% YoY**, phản ánh giai đoạn cao điểm đầu tư.
- Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với đặc thù đầu tư hạ tầng cảng biển, kỳ vọng được bù đắp bằng dòng tiền khai thác ổn định trong trung và dài hạn.

## V. CHUYỂN ĐỔI SỐ & CHUYỂN ĐỔI XANH

- PHP đặt mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động khai thác và quản trị cảng, triển khai đồng bộ các hệ thống Smart Gate, e-Port và TOS, giúp tự động hóa quy trình, rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Xây dựng kho dữ liệu tập trung, từng bước ứng dụng Big Data và AI trong dự báo sản lượng, tối ưu xếp bãi và điều phối thiết bị, hướng tới mô hình cảng thông minh.
- Song song với chuyển đổi số, doanh nghiệp chú trọng chuyển đổi xanh, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe và từng bước tiệm cận mục tiêu Net Zero.
- Thực hiện tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững dài hạn.

## VI. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

- **Tập trung tối ưu khai thác bến container số 3 và 4 Lạch Huyện**, đồng thời hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng luồng hàng hải nhằm nâng cao năng lực tiếp nhận tàu lớn.
- Giữ vững **thị phần số 1 khu vực miền Bắc**, triển khai chính sách linh hoạt, lấy khách hàng làm trung tâm và mở rộng nguồn hàng.
- Đẩy mạnh **liên kết trong hệ sinh thái VIMC** để phát triển chuỗi logistics trọn gói, gia tăng giá trị dịch vụ.
- Đặt mục tiêu đạt **3 triệu TEU container trong năm 2026**, làm cơ sở cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

PHỤ LỤC

| Bảng cân đối kế toán      |              |              |              |              |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| (tỷ VND)                  | 2022         | 2023         | 2024         | 2025         |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>   | <b>4,093</b> | <b>3,080</b> | <b>3,094</b> | <b>3,071</b> |
| Tiền/tương đương tiền     | 683          | 198          | 494          | 390          |
| Đầu tư ngắn hạn           | 2,481        | 1,964        | 1,345        | 1,551        |
| Các khoản phải thu        | 804          | 687          | 973          | 656          |
| Hàng tồn kho              | 93           | 104          | 116          | 127          |
| Tài sản khác              | 32           | 127          | 166          | -            |
| <b>Tài sản dài hạn</b>    | <b>2,522</b> | <b>4,000</b> | <b>5,400</b> | <b>6,846</b> |
| Tài sản cố định           | 1,973        | 1,975        | 1,826        | 1,517        |
| Đầu tư dài hạn            | 326          | 318          | 315          | 1,364        |
| Xây dựng cơ bản dở dang   | 127          | 1,621        | 3,161        | 1,291        |
| BDS đầu tư                | -            | -            | -            | 2,581        |
| <b>Tổng tài sản</b>       | <b>6,615</b> | <b>7,080</b> | <b>8,494</b> | <b>9,917</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>        | <b>28</b>    | <b>26</b>    | <b>24</b>    | <b>1,254</b> |
| Phải trả người bán        | 122          | 175          | 853          | 357          |
| Người mua trả tiền trước  | 4            | 4            | 19           | 9            |
| Vay nợ ngắn hạn           | 28           | 26           | 24           | 25           |
| Nợ khác                   | 199          | 281          | 352          | 346          |
| Nợ dài hạn                | 554          | 524          | 495          | 1,846        |
| Vay nợ dài hạn            | 550          | 515          | 485          | 1,747        |
| Nợ dài hạn khác           | -            | -            | -            | -            |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>   | <b>1,233</b> | <b>1,343</b> | <b>2,133</b> | <b>3,100</b> |
| Vốn chủ sở hữu            | 5,383        | 5,736        | 6,361        | 6,818        |
| Vốn góp                   | 3,270        | 3,270        | 3,270        | 3,270        |
| Thặng dư vốn cổ phần      | -            | -            | -            | -            |
| Lợi nhuận giữ lại         | 835          | 844          | 1,044        | 1,213        |
| <b>Tổng nợ và vốn CSH</b> | <b>6,615</b> | <b>7,079</b> | <b>8,494</b> | <b>9,917</b> |

| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ    |              |                |              |              |
|-------------------------------|--------------|----------------|--------------|--------------|
| (tỷ VND)                      | 2022         | 2023           | 2024         | 2025         |
| LCTT từ HĐ kinh doanh         | 387.3        | 743.3          | 1,455.8      | 1,254        |
| LCTT từ HĐ đầu tư             | 261.9        | (970.1)        | (872.1)      | (2,276)      |
| LCTT từ HĐ tài chính          | (277.9)      | (256.2)        | (289.4)      | 918          |
| <b>LCTT trong kỳ</b>          | <b>371.4</b> | <b>(483.0)</b> | <b>294.3</b> | <b>(104)</b> |
| Tiền/tương đương tiền đầu kỳ  | 0.0          | 682.7          | 198.5        | 494          |
| Tiền/tương đương tiền cuối kỳ | 371.4        | 199.7          | 492.8        | 390          |

Ghi chú: Số liệu năm 2025 từ BCTC 2025 chưa kiểm toán

| Báo cáo kết quả kinh doanh     |              |              |              |              |
|--------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| (tỷ VND)                       | 2022         | 2023         | 2024         | 2025         |
| <b>Doanh thu</b>               | <b>2,350</b> | <b>2,156</b> | <b>2,595</b> | <b>2,730</b> |
| Giá vốn hàng bán               | 1,504        | 1,401        | 1,605        | 1,473        |
| Lợi nhuận gộp                  | 845          | 756          | 990          | 1,258        |
| Chi phí BH & QLDN              | 215          | 216          | 253          | 274          |
| Lợi nhuận hoạt động            | 874          | 825          | 950          | 1,152        |
| <b>Doanh thu tài chính</b>     | <b>193</b>   | <b>217</b>   | <b>151</b>   | <b>102</b>   |
| Chi phí tài chính              | 18           | 9            | 19           | 43           |
| Lợi nhuận khác                 | 17           | 90           | 250          | 105          |
| Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh | 69           | 78           | 81           | 110          |
| Lợi nhuận trước thuế           | 891          | 915          | 1,200        | 1,258        |
| Thuế TNDN                      | 172          | 166          | 225          | 273          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>724</b>   | <b>745</b>   | <b>975</b>   | <b>985</b>   |
| Lợi ích cổ đông thiểu số       | 148          | 178          | 168          | 161          |
| <b>LNST của cty mẹ</b>         | <b>724</b>   | <b>745</b>   | <b>975</b>   | <b>824</b>   |
| % Biên LNST                    | 30.8%        | 34.5%        | 37.5%        | 36.0%        |
| EPS (VND)                      | 1,762        | 1,735        | 2,469        | 2,519        |

| Các chỉ số tài chính            |       |       |       |       |
|---------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| (tỷ VND)                        | 2022  | 2023  | 2024  | 2025  |
| <b>Chỉ số định giá</b>          |       |       |       |       |
| <b>SLCP lưu hành (triệu cp)</b> | 326.9 | 326.9 | 326.9 | 326.9 |
| <b>Chỉ số sinh lời</b>          |       |       |       |       |
| Biên LNG                        | 36.0% | 35.1% | 38.1% | 46.1% |
| Biên EBIT                       | 38.7% | 42.9% | 46.9% | 36.0% |
| Biên LNST                       | 30.8% | 34.6% | 37.6% | 36.1% |
| Doanh thu/TTS                   | 35.5% | 30.5% | 30.6% | 27.5% |
| ROE                             | 18.5% | 24.0% | 21.6% | 14.2% |
| ROA                             | 4.5%  | 5.9%  | 5.7%  | 8.95% |
| <b>Chỉ số cơ cấu vốn</b>        |       |       |       |       |
| Hệ số nợ /Tổng tài sản          | 0.19  | 0.19  | 0.25  | 0.31  |
| Hệ số nợ /VCSH                  | 0.23  | 0.23  | 0.34  | 0.45  |
| Vốn vay / VCSH                  | 0.11  | 0.09  | 0.08  | 0.26  |
| Tổng tài sản / VCSH             | 1.23  | 1.23  | 1.34  | 1.45  |

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

## MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

### Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,  
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 41 Ngô Quyền,  
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình Lý,  
phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị  
Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: [shs.com.vn](https://shs.com.vn)
-  Tel: 1900 63 8588
-  Email: [hotrokhachhang@shs.com.vn](mailto:hotrokhachhang@shs.com.vn)



### GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: [sboard.shs.com.vn](https://sboard.shs.com.vn)

Web trading: [shsmart.shs.com.vn](https://shsmart.shs.com.vn)